

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HSST

Ngày: 29/8/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Lê Thị Tâm

Hội thẩm nhân dân: Bà: Hà Thị Hòa và bà Lê Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên toà: Bà: Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2019/HSST ngày 24/7/2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1990

Nơi cư trú: Thôn TS2, xã XC, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn Văn T (đã chết); con bà: Nguyễn Thị N; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án; 01 tiền án: Năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 13 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, tại Bản án số 21/2017/HSST ngày 25/7/2017, đã chấp hành xong án ngày 27 tháng 4 năm 2018, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/5/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Thanh Hóa. (có mặt).

+ NGƯỜI BẢO CHỐT CHO BỊ CÁO NGUYỄN VĂN T:

Bà: Hà Thị Nhân - Trợ giúp viên Pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 6 – Thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

+ NGƯỜI BỊ HẠI:

Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1995

Trú tại: Thôn TS2, xã XC, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ NGƯỜI LÀM CHỨNG:

1. Anh Lương Văn A, sinh ngày 10/10/2004 (*vắng mặt*)
Người đại diện hợp pháp: Ông Lương Văn C, sinh năm: 1989 (*bố đẻ Lương Văn A*) (*vắng mặt*)
2. Chị Bùi Thị X, sinh năm: 1988 (*vắng mặt*)
3. Anh Lê Trường N, sinh năm: 1999 (*vắng mặt*)
4. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1978 (*có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quan sát và biết được tại khu vực bến xuồng hồ CĐ, thuộc thôn TS2, xã XC, huyện Thường Xuân có đề nhiều sắt, nên Lương Văn A, sinh năm 2004 trú tại thôn TS1, xã XC đã nảy sinh ý định trộm cắp. Ngày 07/4/2019, Lương Văn A đã rủ Nguyễn Văn T ở cùng thôn đi trộm cắp sắt để bán lấy tiền tiêu xài, T đồng ý. Đến ngày 10/4/2019 Lương Văn A đã rủ Nguyễn Văn T đi bộ lên nhà anh Lê Trường N, sinh năm 1999, trú tại thôn TL, xã VX, huyện Thường Xuân nhờ anh N chở lên bến xuồng CĐ nói là đi có việc. Khi lên đến nơi anh N đi về, Nguyễn Văn T đi xuống khu vực bến xuồng còn Lương Văn A đứng trên bờ canh gác, đồng thời lấy xe máy của anh Nguyễn Văn H, trú tại thôn TS2, xã XC, huyện Thường Xuân là anh rể của T đang đánh cá tại khu vực bến xuồng đứng chờ T. Đối với Nguyễn Văn T, sau khi xuống bến đã sử dụng một chiếc xuồng đang đậu chèo ra khu vực xuồng của gia đình anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1995 ở thôn TS2, xã XC, huyện Thường Xuân lấy 01 chiếc cầu thang làm bằng sắt và 01 thanh sắt chữ V đưa vào bờ, rồi cùng Lương Văn A đi xe máy của anh H đem số sắt vừa lấy được đến bán cho Bùi Thị X, sinh năm 1988 trú tại thôn TC, xã XC, huyện Thường Xuân được 110.000 đồng. Sau đó cả hai đem xe máy để lại chỗ cũ cho anh H rồi đi về nhà. Số tiền 110.000 đồng T và A cùng nhau tiêu xài hết.

Ngay sau khi phát hiện bị mất tài sản, anh Nguyễn Văn L đã báo cáo cơ quan điều tra. Quá trình điều tra Lương Văn A còn thừa nhận trộm cắp 04 lần khác cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 12 giờ, ngày 15/4/2019 Lương Văn A trộm cắp 01 bình ắc quy nhãn hiệu PINACODONGNAI, loại 12V- 28V-AH của gia đình anh Cầm Bá Á ở thôn TS1, xã XC, huyện Thường Xuân, đem xuống bán cho chị Bùi Thị X được 150.000 đồng.

Lần thứ 2: Khoảng 12 giờ, ngày 17/4/2019 Lương Văn A trộm cắp 01 bình ắc quy nhãn hiệu PINACODONGNAI, loại 12V- 100V-AH của gia đình ông Nguyễn Văn N ở thôn TL, xã TT, huyện Thường Xuân đem bán cho anh Lê Trường N ở thôn TL, xã VX, huyện Thường Xuân được 700.000 đồng.

Lần thứ 3: Khoảng 22 giờ, ngày 18/4/2019 Lương Văn A trộm cắp 01 mô tơ máy bơm nước nhãn hiệu BAO LONG, loại 750W của gia đình ông Nguyễn Văn L ở thôn TC, xã XC, huyện Thường Xuân đem bán cho chị Bùi Thị X được 200.000 đồng. Sau đó chị X đã bán cho người khác không biết địa chỉ, nên cơ quan điều tra không thu giữ tài sản được.

Lần thứ 4: Khoảng 00 giờ, ngày 20/4/2019 Lương Văn A trộm cắp 01 bình ắc quy nhãn hiệu PINACODONGNAI, loại 12V- 70 AH của gia đình anh Lương Văn L ở

cùng thôn, đem bán cho anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985 ở xã VX, huyện Thường Xuân được 200.000 đồng. Khi bán A nói nguồn gốc chiếc bình ắc quy là do trộm cắp mà có.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Thường Xuân đã thu giữ 03 chiếc bình ắc quy, 01 thanh kim loại và 01 chiếc thang kim loại và tiến hành yêu cầu định giá tài sản.

Tại kết luận định giá số: 06/KL- ĐGTS ngày 09/5/2019 và Tại Kết luận số: 13/KL - ĐGTS ngày 07/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thường Xuân kết luận:

- 01 Chiếc bình ắc quy nhãn hiệu PINACODONGNAI, loại 12V- 28V-AH đã qua sử dụng, có giá trị 650.000đồng;

- 01 Chiếc bình ắc quy nhãn hiệu PINACODONGNAI, loại 12V- 100V-AH đã qua sử dụng, có giá trị 2.000.000đồng;

- 01 Mô tơ máy bơm nước nhãn hiệu BAO LONG, loại 750W có giá trị 300.000đồng.

- 01 Thanh kim loại chữ V, dài 6,04m, nặng 10 kg đã qua sử dụng có giá trị là 60.000 đồng

- 01 Chiếc thang kim loại dài 1,6m, rộng 6,5 cm, nặng 15 kg, đã qua sử dụng có giá trị là 90.000đồng

- 01 Chiếc bình ắc quy nhãn hiệu PINACODONGNAI, loại 12V- 100V-AH đã qua sử dụng, có giá trị 1.600.000đồng;

Quá trình điều tra Lương Văn A đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi của mình, mặc dù Lương Văn A đã thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản, có lần giá trị tài sản trộm cắp đã đủ lượng truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Lương Văn A mới chỉ 14 tuổi 6 tháng, chưa đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra xử phạt hành chính đối với Lương Văn A.

Đối với anh Nguyễn Văn H, khi mua chiếc bình ắc quy với Lương Văn Anh H biết là tài sản trộm cắp mà có. Tuy nhiên, giá trị chiếc bình ắc quy là 1.600.000 đồng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự Cơ quan điều tra Công an huyện Thường Xuân đã xử phạt hành chính.

Đối với anh Lê Trường N và chị Bùi Thị X đã mua số tài sản còn lại từ Nguyễn Văn T và Lương Văn A, nhưng không biết tài sản đó do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự. Riêng đối với số tiền anh N và chị X bỏ ra để mua số tài sản mà Nguyễn Văn T và Lương Văn A Trộm cắp, anh N, chị X không yêu cầu bồi thường.

Vật chứng của vụ án: 01 Chiếc bình ắc quy nhãn hiệu PINACODONGNAI, loại 12V- 100V-AH đã trả lại cho ông Nguyễn Văn N; 01 Chiếc bình ắc quy nhãn hiệu PINACODONGNAI, loại 12V- 28V-AH đã trả lại cho anh Cầm Bá Á; 01 Chiếc bình ắc quy nhãn hiệu PINACODONGNAI, loại 12V- 100V-AH đã trả lại cho Nguyễn Văn L; 01 thanh kim loại chữ V, dài 6,04m, nặng 10 kg và 01 chiếc thang kim loại dài 1,6m, rộng 6,5 cm, nặng 15 kg, đã trả lại cho anh Nguyễn Văn L; ông N, anh Á; Anh L; anh L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKSTX ngày 23/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân truy tố Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T từ 06 (*sáu*) đến 09 (*chín*) tháng tù. Thời gian tạm giam của bị cáo được trừ vào thời gian chấp hành án.

Về phần bồi thường dân sự: Những người bị hại không có yêu cầu gì nên miễn xét.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T thuộc diện hộ nghèo năm 2019 và có đơn xin miễn nộp tiền án phí, đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T.

Bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T có quan điểm bào chữa cho rằng: Đồng ý với quan điểm luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo còn trẻ, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc diện hộ nghèo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Xử phạt bị cáo một mức án phù hợp.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, miễn nộp án phí hình sự cho bị cáo T.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thường Xuân, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tiến hành đều hợp pháp.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 10/4/2019, Nguyễn Văn T đã trộm cắp 01 thanh sắt kim loại sắt chữ V, dài 6,04 m, nặng 10 kg; 01 chiếc thang kim loại sắt dài 1,6 m, rộng 65cm, nặng 15 kg của gia đình anh Nguyễn Văn L ở thôn Tiến Sơn 2, xã XC, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, trị giá là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

[2]. Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm khắc để giáo dục và phòng ngừa chung.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong quản lý và bảo vệ tài sản, bị cáo Nguyễn Văn T đã lén lút trộm cắp tài sản là 01 thanh sắt kim loại sắt chữ V, dài 6,04 m, nặng 10 kg; 01 chiếc thang kim loại sắt dài 1,6 m, rộng 65cm, nặng 15 kg, giá trị tài sản có giá trị 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Hành vi trên của bị cáo đã cấu thành đầy đủ tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật tuyên phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương ứng với tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo.

[4]. Xét về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn T là đối tượng có nhân thân xấu, ngày 28/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xử 15 tháng tù về tội Cướp giật tài sản; Năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xử phạt 13 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tại bản án số 21/2017/HSST ngày 25/7/2017, chấp hành xong ngày 27/4/2018, chưa được xóa án tích; Sau khi chấp hành xong trở về địa phương, không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Bị cáo đã áp dụng tình tiết định tội nên không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, người bị hại Nguyễn Văn L đã nhận đủ tài sản và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với anh Lương Văn A khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, chưa đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính.

Đối với anh Nguyễn Văn H, là người mua chiếc bình ắc quy với Lương Văn A, giá trị chiếc bình ắc quy là 1.600.000 đồng, quá trình điều tra chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự Công an huyện Thường Xuân đã xử phạt hành chính.

Đối với anh Lê Trường N và chị Bùi Thị X đã mua số tài sản của Nguyễn Văn T và Lương Văn A, nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Thường Xuân không xử lý hình sự. Đối với số tiền 110.000đồng, chị X mua số tài sản mà Nguyễn Văn T và Lương Văn A trộm cắp, chị X không yêu cầu bị cáo T bồi thường.

[5]. Xét tính chất vụ án; hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo trên cơ sở xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn T một mức án nhất định, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội, thời hạn tạm giam của bị cáo được trừ

vào thời gian chấp hành án. Áp dụng Điều 329 Bộ Luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T thuộc diện cá nhân hộ nghèo năm 2019, quá trình giải quyết vụ án bị cáo T đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Hội đồng xét xử xem xét miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Thái phù hợp, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7]. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tuyên bố: Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Xử phạt:

Nguyễn Văn T 06 (*sáu*) tháng tù. Thời gian chấp hành án tính từ ngày 17/5/2019, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo Thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu nên miễn xét.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, truy thu của bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 110.000đ (*một trăm mười nghìn đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: Áp dụng Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội, “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Bị cáo Nguyễn Văn T được miễn 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/8/2019); Người bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thường Xuân;
- Công an huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu HSVA.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Tâm